

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 05-11-2019.
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

- 1- Ông Đinh Hữu Cải;
- 2- Ông Nguyễn Hưng Thái Dương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Quốc Việt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc.

Ngày 05 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 625/2019/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 9 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Bà Võ Thị P**, sinh năm 1970; địa chỉ cư trú: Tổ 9, ấp A, xã B, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; có đơn yêu cầu vắng mặt.

2. *Bị đơn:* **Ông Phạm Văn Q**, sinh năm 1967; địa chỉ: Tổ 9, ấp A, xã B, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (đã bị Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tuyên bố mất tích theo Quyết định số 12/QĐ-VDS ngày 24 tháng 10 năm 2016).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 7 năm 2019, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị P trình bày:

Bà và ông **Phạm Văn Q** chung sống với nhau từ năm 1990, không có đăng ký kết hôn, chung sống tự nguyện, tự tìm hiểu nhau. Vợ chồng chung sống thường xuyên mâu thuẫn cãi nhau. Ông Q bỏ nhà đi biệt tích từ năm 2007 cho đến nay không có tin tức gì. Bà đã tìm kiếm và đăng tin tìm ông Q nhưng không có kết quả; bà đã nộp đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tuyên bố ông Q mất tích. Ngày 24 tháng 10 năm 2016, Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã mở phiên họp và có quyết định tuyên bố ông Q mất tích theo Quyết định số 12/QĐ-VDS ngày 24 tháng 10 năm 2016. Cho đến nay ông Q vẫn không trở về. Nay, bà yêu cầu ly hôn với ông Q.

Về con chung: Bà và ông Q có 01 con chung tên Phạm Thanh Phú, sinh ngày 05-01-1994 đã trưởng thành tự lao động sinh sống được bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ Luật Tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bà Võ Thị P là nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà P.

Về nội dung:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Về hôn nhân: Không công nhận bà Võ Thị P và ông Phạm Văn Q là vợ chồng.

Về nuôi con chung: Bà Võ Thị P và ông Phạm Văn Q có 01 con chung tên Phạm Thanh Phú, sinh ngày 05-01-1994; con chung đã trưởng thành tự lao động sinh sống được; bà P không yêu cầu giải quyết.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà Võ Thị P không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Bà Võ Thị P phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Võ Thị P là nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà P.

[2] Về hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị P Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà P và ông Phạm Văn Q chung sống với nhau từ năm 1990, không có đăng ký kết hôn. Xét thấy, việc chung sống vợ chồng của ông bà không được đăng ký là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên không có giá trị pháp lý, không được pháp luật thừa nhận. Bà P yêu cầu ly hôn với ông Q, do đó cần tuyên bố không công nhận bà Võ Thị P và ông Phạm Văn Q là vợ chồng là phù hợp với pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nuôi con chung: Bà Võ Thị P và ông Phạm Văn Q có 01 con chung tên Phạm Thanh Phú, sinh ngày 05-01-1994; con chung đã trưởng thành tự lao động sinh sống được; bà P không yêu cầu giải quyết là phù hợp, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà Võ Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Võ Thị P phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Võ Thị P và ông Phạm Văn Q là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Bà Võ Thị P và ông Phạm Văn Q có 01 con chung tên Phạm Thanh Phú, sinh ngày 05-01-1994; con chung đã trưởng thành tự lao động sinh sống được; bà P không yêu cầu giải quyết.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà Võ Thị P không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Bà Võ Thị P phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà bà P đã nộp theo biên lai thu số 0015802 ngày 09-9-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận bà P đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Tân Châu;
- THA-DS H.Tân Châu;
- UBND xã B, H Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Ngọc Thu

